TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 270/2018/LĐ-PT
Ngày 12 - 3 - 2018
V/v Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thoa

Bà Phan Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Châu Hiệp Phát - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2017/TLPT-LĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về: "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 38/2017/LĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 559/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 2 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973

Địa chỉ: 35 đường B, tổ 101, Ấp Bến Cỏ, Xã P, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Trung tâm T

Địa chỉ: 96 đường H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Minh N, sinh năm 1964,

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Xuân Q là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 78/GUQ-TTTT ngày 05/3/2018 (Có mặt);

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2016, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/02/2017, các biên bản tự khai, biên bản hoà giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông Nguyễn Văn S làm việc tại Trung tâm T theo Hợp đồng lao động ngày 01/10/2005, sau khi hết thời hạn hợp đồng thì ông Sĩ tiếp tục làm việc tại trung tâm với hình thức là hợp đồng không dài hạn. Nhiệm vụ của ông S là quản lý sân quần vợt, thu tiền khách hàng sau đó làm đề xuất nộp về Trung tâm.

Theo quy trình giao nộp tiền sân bãi cho đơn vị thì sau khi thu tiền khách hàng, người thu tạm thời gửi thủ quỹ giữ hộ, cuối tháng báo cáo tổng kết, đề xuất nộp tiền, kế toán sẽ viết phiếu thu. Từ tháng 02/2015-05/2015 ông thu tiền và giao cho anh Võ Quốc M giữ (thủ quỹ và hậu cần) và đã làm đề xuất nộp tiền và ban Giám đốc Trung tâm đã duyệt đúng thời gian và có chứng từ thể hiện.

Tháng 6/2015 Chỉ huy thu toàn bộ chứng từ quản lý sân và nói ông chưa nộp tiền từ tháng 02/2015 đến tháng 5/2015, ông có hỏi anh M thì anh M thừa nhận chưa nộp tiền và nói ông hãy nhận trách nhiệm giúp anh M. Do nghĩ anh M là cán bộ biên chế, ông là nhân viên hợp đồng, nếu có nhận trách nhiệm dùm anh M thì không có chuyện gì, Trung tâm chỉ kiểm điểm vả lại ông đã nộp tiền thu từ khách hàng đủ và đúng thời gian quy định của Trung tâm.

Sau đó lãnh đạo trung tâm có mời ông làm việc và ông nhận trách nhiệm chưa nộp khoản tiền từ tháng 02/2015 đến tháng 5/2015. Nhưng thực chất anh M có nộp tiền hay không ông không biết.

Ngày 02/7/2015 Trung tâm ra thông báo số 323/TB-PX15B(HC-TH) về việc tạm ngưng công tác đối với ông S

Ngày 30/9/2015 Trung tâm ra quyết định số 501/QĐ-PX15B(HC-TH) về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông mà không nêu lý do cho nghỉ việc. Ông có khiếu nại nhưng kết quả giải quyết không thành.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Trung tâm T phải:

- Hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 501/QĐ-PX15B (HC-TH) ngày 30/9/2015,

- Nhận ông trở lại làm việc theo hợp đồng và đóng các khoản bảo hiểm y tế, xã hội từ 01/10/2015 đến khi nhận ông vào làm việc.

Tại đơn ngày 27/9/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S yêu cầu Trung tâm T phải trả tổng số tiền lương tính đến ngày 30/9/2017 (tính theo giấy xác nhận lương số 656/GXNL ngày 19/9/2017 và mức lương cơ sở tăng theo quy định của pháp luật), tổng cộng là 24 tháng, cụ thể:

Từ 01/10/2015 đến 30/4/2016 là 07 tháng x 1.150.000 (hệ số 2,62) = 3.013.000 đồng (1). Hệ số điều chỉnh = 3.013.000 đồng (2); Các khoản khấu trừ (10,5%) = 316.365 đồng (3); (1) + (2) - (3) = 5.709.635 đồng. Tổng cộng: 5.709.635 đồng/tháng x 07 tháng = 39.967.445 đồng;

Từ ngày 01/5/2016 đến hết ngày 30/6/2017 là 14 tháng với mức lương là 1.210.000 đồng (hệ số 2,62) = 3.170.000 đồng (1). Hệ số điều chỉnh = 3.170.000 đồng (2); Các khoản khấu trừ (10,5%) = 332.471 đồng (3); (1) + (2) - (3) = 6.007.529 đồng. Tổng cộng: 6.007.529 đồng/tháng x 14 tháng = 84.105.406 đồng;

Từ ngày 01/7/2016 đến hết ngày 30/9/2017 là 03 tháng với mức lương là 1.300.000 đồng (hệ số 2,62) = 3.406.000 đồng (1). Hệ số điều chỉnh = 3.406.000 đồng (2); Các khoản khấu trừ (10,5%) = 357.630 đồng (3); (1) + (2) - (3) = 6.454.370 đồng. Tổng cộng: 6.454.370 đồng/tháng x 03 tháng = 19.363.110 đồng;

Ngoài ra, phải trả thêm cho ông 02 tháng tiền lương là 6.454.370 đồng x 02 tháng = 12.908.740 đồng.

Như vậy, bên bị đơn phải trả cho ông là: 39.967.445 đồng + 84.105.406 đồng + 19.363.110 đồng + 12.908.740 đồng = 156.344.701 đồng. Đồng thời phải trả thêm cho ông số tiền lương tương ứng/tháng nếu có phát sinh bắt đầu từ tháng 10/2017;

Trung tâm t cải chính, xin lỗi công khai trước tập thể đơn vị về việc ông không lợi dụng chức năng nhiệm vụ được giao để chiếm dụng trái phép tiền của nhà nước như kết luận của ban Giám đốc Trung tâm T.

Bị đơn Trung tâm T do ông Phạm Văn H đại diện theo uỷ quyền trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn S làm việc tại Trung T theo Hợp đồng lao động ngày 01/10/2005, sau khi hết thời hạn hợp đồng thì ông S tiếp tục làm việc tại trung tâm với hình thức là hợp đồng không dài hạn. Nhiệm vụ của ông là quản lý sân quần vợt, thu tiền khách hàng sau đó làm đề xuất nộp về Trung tâm.

Từ tháng 02/2015 đến tháng 05/2015 ông S không nộp tiền thu của khách hàng cho Trung tâm với số tiền là 292.780.000 đồng.

Sau khi phát hiện sự việc, ngày 28/5/2015 Đội trưởng Đội hành chánh tổng hợp có mời ông S làm việc thì ông S nhận lỗi và xin gia hạn 03 ngày để khắc phục, sau thời hạn trên ông S vẫn không khắc phục. Trung tâm đã nhiều lần yêu cầu khắc phục nhưng ông S hứa nhiều lần nhưng không thực hiện, từ tháng 6/2015 đến tháng 9/2015 mới khắc phục được.

Ngày 22/9/2015 Trung tâm đã tổ chức họp đơn vị về việc kiểm điểm và kiến nghị hình thức kỷ luật đối với các cá nhân có sai phạm trong công tác.

Việc ghi phiếu thu từ tháng 02/2015 đến tháng 05/2015 không đúng với ngày nộp tiền khắc phục trên thực tế là do thiếu sót của đồng chí kế toán và thủ quỹ của trung tâm. Việc này Trung tâm đã tiến hành kiểm điểm và xử lý các đồng chí trên.

Do ông S có vi phạm nên Trung tâm đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông S theo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 501/QĐ-PX15B (HC-TH) ngày 30/9/2015.

Trung tâm thể thao đã tạo điều kiện trong thời gian dài từ tháng 6/2015 đến tháng 9/2015 để ông S tập trung khắc phục sự việc mà hầu như ông S không làm việc vẫn hưởng đủ lương. Trung tâm T đã thực hiện đúng thủ tục xử lý kỷ luật lao động nên không đồng ý bồi thường với các yêu cầu khởi kiện của ông Sĩ.

Tại Bản án số lao động sơ thẩm số 38/2017/ST-LĐ ngày 29/9/2017 về việc: "Tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động", Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

- Điểm a, b Khoản 1 Điều 32, Điểm c Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, 147, 264, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1, Điều 22; điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 41; Điều 42 và Điều 123 Bộ Luật lao động năm 2012;

- Khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh án, phí lệ phí số 10/2009/UBTVQH12 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009;

- Điều 2; 6; 7; 9; 30; 31 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S;

Không chấp nhận yêu cầu Trung tâm T cải chính, xin lỗi công khai trước tập thể đơn vị về việc ông không không lợi dụng chức năng nhiệm vụ được giao để chiếm dụng trái phép tiền của nhà nước như kết luận của ban Giám đốc Trung tâm T của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S.

1. Hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 501/QĐ-PX15B (HC-TH) ngày 30/9/2015 của Trung tâm T.

2. Buộc Trung tâm T phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012, như sau:

- Nhận ông Nguyễn Văn S trở lại làm việc kể từ ngày 29/9/2017 theo hợp đồng lao động đã giao kết;

- Trả tiền lương: Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 29/9/2017 và 02 tháng tiền lương. Tổng cộng là 70.022.622 (bảy mươi triệu, không trăm hai mươi hai ngàn, sáu trăm hai mươi hai) đồng;

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày 01/10/2015 đến ngày 29/9/2017: Hệ số lương 2.62 x 1.150.000 đồng (lương cơ bản) x 9.5% x 23 tháng 29 ngày = 6.860.098 (sáu triệu, tám trăm sáu mươi ngàn, không trăm chín mươi tám) đồng;

- Đóng bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/10/2015 đến ngày 29/9/2017: Hệ số lương 2.62 x 1.150.000 đồng (lương cơ bản) x 1% x 23 tháng 29 ngày = 722.115 (bảy trăm hai mươi hai ngàn, một trăm mười lăm) đồng.

Trường hợp đặc biệt không thể trả lương đúng thời hạn thì không được chậm quá 01 (một) tháng và người sử dụng lao động phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương.

Khi Ngân hàng nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2017 nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do:

1/ Về mức lương được tính làm căn cứ để bồi thường chưa tính tới khoản lương điều chỉnh theo giấy xác nhận lương và danh sách phát lương hàng tháng, chưa tính lương cơ sở được tăng theo quy định của pháp luật.

2/ Trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật, phía bị đơn không chứng minh được lỗi của người lao động, như việc bị đơn không cung cấp được các chứng cứ xác định nguyên đơn còn giữ tiền của bị đơn và chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã khắc phục hậu quả của việc giữ tiền của nguyên đơn.

3/ Bản án sơ thẩm chưa tính khoản tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Vì các lý do trên nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm sửa đổi một phần bản án theo hướng: Chấp nhận các khoản bồi thường theo quy định tại điều 42 Bộ luật lao động với mức lương làm căn cứ tính tiền lương trong những ngày không được làm việc và tiền bồi thường được tính đủ theo bảm danh sách phát lương và giấy xác nhận lương ngày 19/9/2017 của bị đơn. Bị đơn phải xin lỗi công khai trước toàn thể đơn vị với nội dung "Nguyên đơn không lợi dụng chức năng nhiệm vụ được giao để chiếm dụng trái phép tiền của Nhà nước như kết luận của ban giám đốc trung tâm".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn xin kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn cụ thể như sau: Tiền lương trả cho người lao động trong những ngày không được làm việc, tiền bồi thường 02 tháng tiền lương và tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước là số tiền lương cơ bản nhân hệ số 2,6 cộng hệ số điều chỉnh trừ các khoản khấu trừ theo đúng tiền lương mà bị đơn đã xác nhận trong Giấy xác nhận lương số 656/GXNL ngày 19/9/2017 với mức lương là 5.709.635đ/tháng. Đồng thời mức lương cơ sở được tăng theo quy định của Chính phủ cũng phải được tính toán tăng theo theo quy định của Chính phủ tại thời điểm ngày 01/5/2016, ngày 01/7/2017. Việc yêu cầu thanh toán đúng tiền lương được nhận là phù hợp với quy định của pháp luật lao động và lương thực tế mà nguyên đơn đã được nhận nếu không có việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của bị đơn đối với nguyên đơn. Vì lý do trên nguyên đơn đề nghị bị đơn phải thanh toán số tiền như sau:

Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ 01/10/2015 đến 30/4/2016 tổng cộng là 39.967.445 đồng;

Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/5/2016 đến ngày 30/6/2017 tổng cộng là 84.105.406 đồng;

Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/9/2017 tổng cộng là 19.363.110 đồng;

Bồi thường 02 tháng tiền lương tổng cộng là 12.908.740 đồng;

Bồi thường do vi phạm 45 ngày thời hạn báo trước là 9.681.555 đồng.

Nguyên đơn xin rút yêu cầu kháng cáo buộc bị đơn phải xin lỗi công khai trước toàn thể đơn vị.

- Bị đơn trình bày về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn S là người lao động của Trung tâm T, theo sự phân công thì nguyên đơn có trách nhiệm quản lý sân quần vợt, thu tiền của khách hàng và nộp về trung tâm. Tuy nhiên từ tháng 02 đến tháng 05 năm 2015 nguyên đơn đã không nộp tiền thu của khách hàng cho Trung tâm với tổng số tiền là 292.780.000 đồng. Khi phát hiện sự việc phía nguyên đơn đã nhận lỗi và cam kết khắc phục, tuy nhiên nguyên đơn đã kéo dài thời hạn khắc phục do đó bị đơn đã tổ chức họp đơn vị và đã quyết định chấm dứt hợp đồng lao động thay vì sa thải bị đơn. Việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bị đơn là đúng tính chất vi phạm của bị đơn, cũng như quy định của đơn vị. Tuy nhiên do nguyên đơn là người lao động theo hợp đồng lao động nên việc xử lý kỷ luật theo quy định của Luật viên chức là chưa đúng thủ tục xử lý kỷ luật lao động được quy định trong Bộ luật lao động. Chính vì vậy, bị đơn không kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tính toán lại tiền lương làm cơ sở cho việc bồi thường theo quy định tại điều 42 Bộ luật lao động. Về mức lương làm căn cứ bồi thường được tính theo Điều 90 Bộ luật Lao động và Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/01/2015 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động, bao gồm lương theo công việc, phụ cấp lương và các khoảng bổ sung khác. Chính vì vậy việc tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính tiền bồi thường trên mức lương cơ bản của nguyên đơn và không tính khoản phụ cấp hệ số điều chỉnh và quy định của pháp luật về việc tăng lương cơ sở hàng năm là không đúng quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại bản án theo hướng tính đúng tiền lương làm cơ sở cho việc bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với việc bồi thường 2 tháng tiền lương thì khoản tiền này chỉ được tính theo tiền lương được ghi trong hợp đồng lao động, tuy nhiên hợp đồng lao động của nguyên đơn đã hết hạn, đôi bên không ký hợp đồng lao động mới nên đề

nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức được xác nhật trong giấy xác nhận lương số 656/GXNL ngày 19/9/2017 của bị đơn là 5.709.635đ/tháng.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền tương ứng với những ngày không được báo trước thì yêu cầu này nguyên đơn chỉ đề cập trong đơn kháng cáo và vượt quá giới hạn về việc khởi kiện ban đầu do đó đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với kháng cáo về việc yêu cầu bị đơn phải xin lỗi công khai, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã xin rút yêu cầu này do đó đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo tính toán lại mức lương làm căn cứ cho việc trả lương cho người lao động trong những ngày không được làm việc và tiền bồi thường.

Theo Điều 90 Bộ luật Lao động và Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/01/2015 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động, thì *"Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận. Tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác"*. Theo quy định tại điểm 4 Mục II Thông tư số 15/2001/TT-BTCCBCP ngày 11/4/2001 của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp thì, người thực hiện chế độ hợp đồng tại đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng bảng lương hành chính do Nhà nước quy định để xếp lương theo ngạch; được nâng bậc lương theo thâm niên quy định; được hưởng các chính sách về BHYT, BHXH… và được điều chỉnh mức lương khi Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu hoặc theo thang bảng lương mới do cải cách chính sách tiền lương. Như vậy theo các quy định trên lương của nguyên đơn bao gồm lương cơ bản và phụ cấp lương (hệ số điều chỉnh), và mức lương của người lao động được điều chỉnh khi chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính mức lương theo lương cơ bản (hệ số 2,6) là không đúng quy định nêu trên, gây thiệt thòi cho quyền lợi của người lao động. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo điều chỉnh mức lương làm căn cứ trả lương và bồi thường cho người lao động của nguyên đơn. Đối với yêu cầu điều chỉnh hệ số lương cơ sở thì theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013; Nghị định 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016; Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 về Quy định mức lương cơ sở đối

với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, thì mức lương cơ sở từ 1.150.000 đồng, được tăng 1.210.000 đồng kể từ ngày 01/5/2016, và được tăng lên 1.300.000 đồng kể từ ngày 01/7/2017 đây là các văn bản điều điều chỉnh tiền lương theo từng thời kỳ và có tính chất bắt buộc do đó người sử dụng lao động có nghĩa vụ chấp hành. Vì vậy số tiền lương (đã khấu trừ các khoản bảo hiểm) trong những ngày nguyên đơn không được làm việc được tính cụ thể như sau:

Từ 01/10/2015 đến 30/4/2016 tổng cộng số tiền lương là 39.967.445đ; với mức lương cơ sở 1.150.000 đồng (hệ số 2,62)

Từ ngày 01/5/2016 đến ngày 30/6/2017 tổng cộng số tiền lương là 84.105.406đ; với mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (hệ số 2,62);

Từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/9/2017 tổng cộng số tiền lương là 19.363.110đ; với mức lương cơ sở là 1.300.000 đồng (hệ số 2,62).

Tổng cộng: 143.435.961 đồng

[3] Về yêu cầu bồi thường 2 tháng tiền lương: Theo nguyên đơn tiền lương làm căn cứ để bồi thường là mức tiền lương của tháng 9 năm 2017, tuy nhiên thời điểm xảy ra vụ việc là tại tháng 9 năm 2015 và lúc này nguyên đơn có mức lương sau khấu trừ là 5.709.635 đồng do đó khoản tiền bồi thường 02 tháng tiền lương được chấp nhận là 11.419.270 đồng.

[4] Về yêu cầu bồi thường một khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước. Trong đơn khởi kiện cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu này, đến khi kháng cáo nguyên đơn mới đề cập như vậy yêu cầu của nguyên đơn cũng đã vượt quá giới hạn khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do đó Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

[5] Về yêu cầu buộc bị đơn phải xin lỗi công khai, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xin rút yêu cầu kháng cáo buộc bị đơn phải xin lỗi công khai và bị đơn đồng ý, việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn, theo khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Do mức lương cơ sở thay đổi, số tiền phải trả cho nguyên đơn trong những ngày nguyên đơn không được làm việc đã trừ các khoản bảo hiểm, nên số tiền nguyên đơn đóng bảo hiểm cho bị đơn cũng được thay đổi như sau:

Từ 01/10/2015 đến ngày 30/4/2016: Căn cứ đóng: Mức lương chính 3.013.000 đồng (hệ số 2,62) x 29% x 7 tháng = 6.116.390 đồng.

Từ ngày 01/5/2016 đến ngày 30/6/2017: Mức lương chính 3.170.000 đồng (hệ số 2,62) x 29% x 14 tháng = 12.870.200 đồng.

Từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/9/2017: Mức lương chính 3.406.000 đồng (hệ số 2,62) x 29% x 2 tháng = 1.975.480 đồng.

Tổng số tiền bảo hiểm phải đóng: 20.962.070 đồng. Trong đó nguyên đơn đã khấu trừ cho bị đơn tổng cộng 7.589.715 đồng, bị đơn phải nộp 13.372.355 đồng tiền bảo hiểm cho nguyên đơn.

Về án phí dân sự: do khoản tiền bồi thường, tiền đóng bảo hiểm tăng thêm nên cấp phúc thẩm sửa án phí theo quy định gồm tiền lương trong những ngày không được làm việc 143.435.961 đồng; bồi thường 2 tháng tiền lương 11.419.270 đồng; tiền bảo hiểm nộp cho nguyên đơn 13.372.355 đồng. Tổng cộng 168.227.586 đồng; Số tiền án phí là 5.047.000 đồng (tính tròn).

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 287; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 22; các Điều 23, 26, 29, 38, 41, 42, 90, 96, 114, 123, 186 Bộ luật lao động năm 2012;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

Sửa một phần bản án sơ thẩm:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S;

1. Hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 501/QĐ-PX15B (HC-TH) ngày 30/9/2015 của Trung tâm T.

2. Buộc Trung tâm T phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012, như sau:

- Nhận ông Nguyễn Văn Si trở lại làm việc kể từ ngày 29/9/2017 theo hợp đồng lao động đã giao kết;

- Trả tiền lương: Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 29/9/2017 và 02 tháng tiền lương. Tổng cộng là 168.227.586 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng). Tiếp tục thanh toán tiền lương hàng tháng (đã khấu trừ các khoản bảo hiểm) là 6.812.000 đồng (sáu triệu tám trăm mười hai ngàn đồng) cho đến khi nhận ông Nguyễn Văn S trở lại làm việc.

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10 năm 2015 đến hết tháng 9 năm 2017: với số tiền tổng cộng là 20.962.070 đồng (hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn không trăm bảy mươi đồng). Tiếp tục đóng các khoản tiền bảo hiểm cho ông Nguyễn Văn S theo căn cứ đóng 3.406.000 đồng/tháng (ba triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn đồng mỗi tháng) cho đến khi nhận ông Nguyễn Văn S trở lại làm việc.

Trường hợp đặc biệt không thể trả lương đúng thời hạn thì không được chậm quá 01 (một) tháng và người sử dụng lao động phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương.

Khi Ngân hàng nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có ký hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S về yêu cầu Trung tâm T cải chính, xin lỗi ông công khai trước tập thể đơn vị.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 5.047.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) Trung tâm T đóng. Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Nơi nhận:
-TAND TC;
-TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
-VKSND Tp.HCM;
-TAND quận Tân Phú;
-THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (P/16).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Liên Minh